**BẢNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ VietGAHP QUY TRÌNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA**

*( Kèm theo biên bản đánh giá ngày ………/............/201…….)*

| **I. Tên cơ sở được đánh giá:** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | **II. Mã số:** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . |
| --- | --- |
| **III. Thời điểm đánh giá:** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . | **IV. Hình thức đánh giá:** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . |
| **V. Kết quả đánh giá đối với từng nhóm chỉ tiêu:** | |

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Mức độ** | **Kết quả đánh giá (🗸)** | | **Diễn giải** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| **A.** | **Địa điểm** |  |  |  |  |
|  | Vị trị trại chăn nuôi có cách xa đường giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp, công sở, trường học, khu chế biến sản phẩm chăn nuôi, bệnh viện, khu chăn nuôi khác và xa hệ thống kênh mương thoát nước thải của khu vực theo quy định hiện hành không? | A |  |  |  |
|  | Trang trại có được thiết kế gồm các khu vực khác nhau không? Trại có hàng rào xung quanh không? | A |  |  |  |
|  | Ở các cổng ra vào của các khu chuồng trại và ở đầu mỗi dãy chuồng có bố trí hố khử trùng không? | A |  |  |  |
| **B.** | **Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi** |  |  |  |  |
|  | Chuồng trại có đảm bảo diện tích chuồng nuôi trung bình đối với mỗi bò, bê không? | B |  |  |  |
|  | Các thiết bị dùng trong chăn nuôi, máng ăn máng uống có đảm bảo không gây độc và dễ vệ sinh tẩy rửa không? | B |  |  |  |
|  | Các dụng cụ khác trong chuồng trại có đảm bảo dễ vệ sinh, tẩy rửa sau mỗi lần sử dụng không? | B |  |  |  |
| **C.** | **Con giống và quy trình chăn nuôi** |  |  |  |  |
|  | Con giống có nguồn gốc rõ ràng không? | A |  |  |  |
|  | Có quy trình chăn nuôi cho từng giống bò theo mục đích sử dụng và thực hiện đúng quy trình chăn nuôi không? | A |  |  |  |
| **D.** | **Vệ sinh chăn nuôi** |  |  |  |  |
|  | Toàn bộ chất thải rắn (phân, thức ăn thừa, vỏ đựng thuốc thú y, vắc xin, xác súc vật chết, nhau thai…) có được thu gom, xử lý hàng ngày không? | A |  |  |  |
|  | Trại có thực hiện định kỳ tiêu độc, khử trùng bằng các thuốc, hoá chất có trong danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam không? | A |  |  |  |
| **E.** | **Quản lý thức ăn và nước cho chăn nuôi** |  |  |  |  |
|  | Có thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh học, hóa học, vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu thức ăn không? | A |  |  |  |
|  | Có kiểm tra các thông tin về nguyên liệu và kiểm tra khi giao nhận không? | A |  |  |  |
|  | Có thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh, lý, hóa học có thể ảnh hưởng xấu tới thức ăn, sức khỏe bò sữa và sữa tươi nguyên liệu không? | B |  |  |  |
|  | Có ghi chép và lập hồ sơ trộn ghi chép thông tin về liều lượng, tên hàng, lô sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng và đánh giá sơ bộ về cảm quan đối với nguyên liệu và thức ăn không? | A |  |  |  |
|  | Có sử dụng kháng sinh theo hướng dẫn của nhà sản xuất không? | A |  |  |  |
|  | Có tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo khuyến cáo của nhà sản xuất không? | A |  |  |  |
|  | Có sử dụng các loại kháng sinh, hóa chất trong danh mục bị cấm của Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành không? | A |  |  |  |
|  | Có thường xuyên kiểm tra và vệ sinh khu vực phối trộn thức ăn, định kỳ kiểm tra kho chứa thức ăn và nguyên liệu không? | A |  |  |  |
|  | Có sử dụng thức ăn phù hợp cho từng giống, giai đoạn sinh trưởng và năng xuất sữa của từng bò không? | B |  |  |  |
|  | Có kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất nguồn nước uống dùng cho chăn nuôi không? | B |  |  |  |
|  | Có kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước không? | B |  |  |  |
|  | Nước rửa chuồng, vệ sinh có sử dụng từ nguồn nước sạch không? | A |  |  |  |
|  | Có hệ thống lọc, lắng chất thải rắn không?  Có thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường không? | A |  |  |  |
| **F.** | **Quản lý đàn bò sữa** |  |  |  |  |
|  | Có tuân thủ đúng quy trình nhập đàn như tiêm phòng, sát trùng chuồng trại... cho bê, bò mới nhập về không? | A |  |  |  |
|  | Có lập kế hoạch tiêm phòng một số bệnh của bò sữa như: Tụ huyết trùng, Lở mồm long móng, bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác (Sảy thai truyền nhiễm, Lao, Ký sinh trùng đường máu....) không? | A |  |  |  |
|  | Bò mới mua về có thực hiện nuôi cách ly theo quy định và theo dõi, ghi chép lại những biểu hiện khác thường của bò sữa không? | A |  |  |  |
|  | Trường hợp bán bê, bò giống, có kèm theo hồ sơ lý lịch giống không? | A |  |  |  |
|  | Vận chuyển bò sữa có đảm bảo đúng quy trình để tránh gây stress cho bò không? | B |  |  |  |
|  | Phương tiện vận chuyển có đảm bảo an toàn về mặt kỹ thuật theo quy định hiện hành không? | B |  |  |  |
| **G.** | **Quản lý vệ sinh vắt sữa** |  |  |  |  |
|  | Có khu vực vắt sữa riêng biệt không? Diện tích có phù hợp không? | B |  |  |  |
|  | Người vắt sữa có sử dụng đầy đủ bảo hộ lao đông không? | A |  |  |  |
|  | Người vắt sữa có đảm bảo sức khoẻ (không mắc bệnh truyền nhiễm, nhiễm trùng tay) không? | A |  |  |  |
|  | Có bán sữa vắt từ bò bị bệnh ra thị trường không? | A |  |  |  |
|  | Dụng cụ vắt sữa, đựng sữa có bảo đảm vệ sinh và khử trùng trước khi dùng không? | A |  |  |  |
|  | Có thực hiện ghi chép đầy đủ khi vắt sữa không? | A |  |  |  |
|  | Khi sử dụng vắt sữa bằng máy có tuân thủ theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất không? | B |  |  |  |
|  | Có thường xuyên vệ sinh, khử trùng dụng cụ vận chuyển sữa sau mỗi lần sử dụng không? | A |  |  |  |
|  | Sữa có được vận chuyển đến cơ sở thu gom ngay sau khi vắt sữa không? | B |  |  |  |
| **H.** | **Quản lý dịch bệnh** |  |  |  |  |
|  | Có nhân viên kỹ thuật chuyên ngành chăn nuôi - thú y theo dõi sức khoẻ đàn bò sữa không? | A |  |  |  |
|  | Có chương trình quản lý sức khỏe đàn bò không? | B |  |  |  |
|  | Trong trường hợp điều trị bệnh, có ghi chép đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lô sản xuất, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng bò, người điều trị, thời điểm ngưng thuốc không? | A |  |  |  |
|  | Có bán bò đang điều trị, bò chết ra thị trường không? | A |  |  |  |
|  | Có báo cáo với cán bộ thú y khi phát hiện bò chết và xử lý bò chết theo đúng quy định của cơ quan thú y không? | A |  |  |  |
|  | Có trang, thiết bị bảo hộ (quần áo, ủng, mũ, khẩu trang) cho mọi người khi vào trại không? | B |  |  |  |
| **I.** | **Bảo quản và sử dụng thuốc thú y** |  |  |  |  |
|  | Vắc xin, thuốc có được bảo quản và sử dụng theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất không? Có ghi chép việc nhập kho từng loại vắc xin, thuốc không? | A |  |  |  |
|  | Có kế hoạch cụ thể về sử dụng vắc xin, thuốc cho trại không? | A |  |  |  |
| **J.** | **Phòng trị bệnh** |  |  |  |  |
|  | Có kế hoạch tiêm phòng các bệnh chính như Tụ huyết trùng, Lở mồm long móng và một số bệnh truyền nhiễm khác cho bò không? | A |  |  |  |
|  | Khi sử dụng kháng sinh điều trị, có sử dụng kháng sinh nằm trong danh mục cấm không? | A |  |  |  |
|  | Có tuân thủ quy định về chủng loại, liều lượng, thời gian dùng thuốc và ghi chép đầy đủ vào trong hồ sơ và có tuân thủ về thời gian ngừng thuốc không? | A |  |  |  |
|  | Có tuân thủ thời gian cách ly khi xuất bán sữa và bò sữa khi đang điều trị bằng kháng sinh không? | A |  |  |  |
|  | Có tuân thủ việc định kỳ lấy mẫu hàng năm để kiểm tra bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và có lịch tiêm phòng các bệnh chính theo quy định hiện hành không? | A |  |  |  |
|  | Có cách ly bò khi có biểu hiện ốm và bò đang điều trị bệnh không? | A |  |  |  |
|  | Khi điều trị bệnh có sử dụng các loại thuốc kháng sinh trong danh mục cấm của Nhà nước không? | A |  |  |  |
| **K.** | **Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường** |  |  |  |  |
|  | Chất thải rắn có được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi xử lý không? | A |  |  |  |
|  | Chất thải lỏng có đường thoát riêng, được dẫn trực tiếp vào khu xử lý và không chảy qua khu chăn nuôi khác không? | A |  |  |  |
|  | Có hệ thống phân loại, tách chất thải rắn và lỏng riêng biệt không? | B |  |  |  |
|  | Xác gia súc chết do bệnh hoặc không rõ lý do có được xử lý theo quy định của cơ quan thú y không? | A |  |  |  |
| **L.** | **Quản lý nhân sự** |  |  |  |  |
|  | Người lao động có được trang bị các phương tiện bảo hộ lao động đầy đủ và được khám sức khoẻ định kỳ không? | A |  |  |  |
|  | Người lao động làm việc trong trang trại có được tập huấn về chăn nuôi và các quy định về vệ sinh thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm không? | A |  |  |  |
| **M.** | **Ghi chép, lưu trữ hồ sơ để truy xuất nguồn gốc sản phẩm** |  |  |  |  |
|  | Có ghi chép đầy đủ trong các Sổ theo dõi hàng ngày về thức ăn, nước uống, về thú y, về năng xuất và sản luợng sản phẩm, về sinh sản, về mua, bán con giống, sản phẩm và lưu trữ trong hồ sơ không? | A |  |  |  |
| **N.** | **Kiểm tra nội bộ** |  |  |  |  |
|  | Có tiến hành kiểm tra nội bộ hàng năm không? | A |  |  |  |
|  | Bảng kiểm tra đánh giá kết quả có được ký xác nhận và lưu trong hồ sơ không? | A |  |  |  |
| **O.** | **Khiếu nại và giải quyết khiếu nại** |  |  |  |  |
|  | Trang trại có sẵn mẫu đơn khiếu nại không? | A |  |  |  |
|  | Có lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng và phương pháp, kết quả giải quyết không? | A |  |  |  |
| **Tổng kết đánh giá** | | **Tổng số** | **Đạt** | **Không đạt** | **Tỷ lệ đạt** |
| **Mức độ** | |  |  |  |  |
| **A** | |  |  |  |  |
| **B** | |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** A: Chỉ tiêu bắt buộc thực hiện; B: Chỉ tiêu khuyến khích thực hiện

**HưỚng dẪn đánh giá và xỬ lý kẾt quẢ:**

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 64 tiêu chí, gồm 49 tiêu chí loại A và 15 tiêu chí loại B.

- Cơ sở chăn nuôi được cấp Giấy chứng nhận VietGAHP phải đạt được: 49 tiêu chí loại A và 7 tiêu chí loại B trở lên.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện cơ sở được đánh giá**  (Ký tên, đóng dấu ) | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày. . . . . tháng . . . . . năm 201…*  **Trưởng đoàn đánh giá**  (Ký tên, ghi rõ họ tên) |